TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12/3/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Bình.

2. Ông Nguyễn Văn Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: không tham gia.

Ngày 12/3/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXX-ST ngày 25/2/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn Th - sinh năm 1987.(vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang ở tại địa chỉ: Nhà số 0, ngách , đường K, thôn T, xã D, huyện H, Đài Loan.

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho nguyên đơn anh Trần Văn Th là: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1977.(vắng mặt)

Địa chỉ: Thị trấn A, huyện B,tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Bùi Thị X, sinh năm 1985.(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 15/01/2019 Nguyên đơn anh Trần Văn Th trình bày:

Anh và chị Bùi Thị X kết hôn tháng 8/2013. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, anh chị có tìm hiểu nhau từ khi chị X và anh ở Đài Loan lao động, sau này anh hết hạn hợp đồng lao động về Việt Nam sinh sống, còn chị X vẫn lao động ở Đài Loan. Sau đó chị X bay về Việt Nam để đăng ký kết hôn với anh tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn thì chị X ở Việt Nam sinh sống với anh được khoảng vài ngày rồi lại phải quay trở lại Đài Loan để lao động tiếp. Khi chị X sang Đài Loan thì vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc hỏi thăm, động viên nhau. Năm 2016 anh lại tiếp tục sang Đài Loan lao động theo hợp đồng mới. Lần này sang Đài Loan thì anh và chị X không làm cùng công ty cũng không ở cùng nhau nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm nhau, ngày nghỉ thì vợ chồng vẫn gặp mặt nhau. Đến khoảng tháng 6/2016 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc, việc gửi tiền về cho bố mẹ chồng khi hai vợ chồng cùng lao động bên Đài Loan. Cuối năm 2016 đến nay giữa anh và chị X đã không còn liên lạc gì với nhau nữa. Chị X đã về Việt Nam nhưng không thông báo cho anh, còn anh hiện nay vẫn đang lao động ở Đài Loan. Anh được biết chị X về Việt Nam thì chị về nhà bố mẹ đẻ ở huyện B, Bắc Giang sống chứ không về gia đình anh ở huyện T, Bắc Ninh. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị X.

Về con chung**:** Vợ chồng không có con chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về Tài sản, công nợ: không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh đang lao động tại Đài Loan nên không thể về Việt Nam tham gia các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị X được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị X. Anh cũng ủy quyền cho anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1977, Trú tại: Thị trấn V, huyện T, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho anh biết.

Tại đơn đề nghị anh Nguyễn Việt H trình bày: Anh đồng ý nhận ủy quyền của anh Trần Văn Th và cam đoan sẽ thông báo lại cho anh Th biết nội dung các

văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh Th trong vụ án Tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa anhThức và chị X.

Bị đơn chị Bùi Thị X trình bày: Chị và anh Trần Văn Th kết hôn ngày tháng 8/2013. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Chị và anh Th có tìm hiểu nhau từ khi hai người ở Đài Loan lao động. Sau này anh Th hết hạn hợp đồng lao động về Việt Nam sinh sống, còn chị vẫn lao động ở Đài Loan. Sau đó chị bay về Việt Nam đăng ký kết hôn với anh Th tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Chị và anh Th có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn thì chị ở Việt Nam sinh sống với anh Th được khoảng vài ngày rồi lại phải quay trở lại Đài Loan để lao động tiếp. Khi chị sang Đài Loan thì vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc hỏi thăm động viên nhau. Năm 2016 anh Th lại tiếp tục sang Đài Loan lao động theo hợp đồng mới. Lần này sang Đài Loan thì chị và anh Th không làm cùng công ty cũng không ở cùng nhau nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm nhau, ngày nghỉ thì vợ chồng vẫn gặp mặt nhau. Đến khoảng tháng 6/2016 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc, việc gửi tiền về cho bố mẹ chồng khi hai vợ chồng cùng lao động bên Đài Loan. Cuối năm 2016 đến nay chị và anh Th đã không còn liên lạc gì với nhau nữa. Chị đã về Việt Nam nhưng không thông báo cho anh Th biết. Khi về Việt Nam thì chị về nhà bố mẹ đẻ ở huyện T, Bắc Giang sống chứ cũng không về gia đình anh Th ở huyện T, Bắc Ninh. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Th xin ly hôn chị, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung**:** Vợ chồng không có con chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về Tài sản, công nợ: không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị cũng đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị anh Th và chị.

Tại phiên tòa anh Th và chị X đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị (Đều có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan) của anh Th; Bản tự khai của chị X, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn Th và chị Bùi Thị X đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Th, chị X.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Trần Văn Th đang lao động ở Đài Loan là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Bùi Thị X, chị X có Hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện B, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Trần Văn Th và chị Bùi Thị X kết hôn ngày 29/8/2013, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn với anh tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2016 anh Th và chị X cùng lao động ở Đài Loan, tuy không làm cùng công ty cũng không ở cùng nhau nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm nhau, ngày nghỉ thì vợ chồng vẫn gặp mặt nhau. Đến khoảng tháng 6/2016 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc, việc gửi tiền về cho bố mẹ chồng. Cuối năm 2016 anh Th và chị X đã không còn liên lạc gì với nhau nữa. Chị X đã về Việt Nam nhưng không thông báo cho anh Th biết. Khi về Việt Nam thì chị về nhà bố mẹ đẻ ở T, Bắc Giang sống chứ cũng không về gia đình anh Th ở T, Bắc Ninh. Nay, cả anh Th và chị X đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh Th xin ly hôn chị, chị X cũng đồng ý ly hôn.

Đồng thời tại đơn đề nghị ngày 13/2/2019 mẹ đẻ chị X là bà Hoàng Thị H cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th chị X kéo dài từ năm 2016 đến nay. Anh Th xin ly hôn chị X thì quan điểm của bà là đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết theo quy định của Pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th và chị X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Th và chị X được ly hôn.

[4]. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Trần Văn Th phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Th đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (do anh Nguyễn Việt H nộp thay theo ủy quyền). Xác nhận anh Th đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Th được ly hôn chị Bùi Thị X.

2.Về án phí: Anh Trần Văn Th phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000166 ngày 31/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Th đã nộp đủ.

Anh Trần Văn Th hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Chị Bùi Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
-UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nguyễn Văn Nhiên